

CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số: 1661/QĐ-ĐHLN-ĐTSDH, ngày 31/12/2014)

Ngành đào tạo: Quản lý tài nguyên rừng
Tên Tiếng Anh: Forest Resources Management
Bậc đào tạo: Nghiên cứu sinh
Bằng tốt nghiệp: Tiến sĩ
Thời gian đào tạo: 3-4 năm (*Tối đa 7 năm*).

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

Đào tạo Tiến sĩ thuộc lĩnh vực quản lý tài nguyên rừng và quản lý môi trường với chức năng chủ yếu như:

- Quy hoạch quản lý, bảo tồn đa dạng sinh học rừng.
- Điều tra, dự tính dự báo sâu bệnh hại rừng, phòng chống lửa rừng, thiết kế và tổ chức chỉ đạo thực hiện các biện pháp phòng chống sâu bệnh hại và lửa rừng.
- Xây dựng và tổ chức thực hiện giải pháp bảo vệ, phát triển và sử dụng tài nguyên rừng.
- Xây dựng và tổ chức thực hiện các biện pháp quản lý rừng, quản lý lưu vực, quản lý môi trường.
- Giám sát, đánh giá diễn biến tài nguyên rừng và môi trường.

II. CHUẨN ĐẦU RA

1. Kiến thức

- + Nắm được khái niệm và những nguyên lý cơ bản của bảo tồn sinh học
- + Nắm được khái niệm của đa dạng sinh học và các cấp độ của nó
- + Hiểu được tầm quan trọng của đa dạng sinh học đối với đời sống con người
- + Hiểu được các mối đe dọa và hậu quả của nó đối với đa dạng sinh học
- + Nắm được các phương pháp cơ bản trong bảo tồn cấp quần thể, loài, quần xã và quản lý tài nguyên sinh vật
- + Nắm được các phương pháp quản lý và phục hồi hệ sinh thái bên trong và bên ngoài khu bảo vệ

2. Năng lực nghề nghiệp

Kết quả học tập mong đợi một Tiến sĩ Quản lý TNR sau khi tốt nghiệp được thể hiện qua năng lực nghề nghiệp sau:

- Sử dụng thành thạo các công cụ hỗ trợ, các phương pháp điều tra, đánh giá và

phân tích tài nguyên rừng, đất rừng và quản lý lưu vực.

- Tổ chức, làm việc cá nhân và theo nhóm, phát huy sức mạnh tập thể.
- Sử dụng thành thạo các phần mềm tin học chuyên ngành và văn phòng phục vụ cho việc tổ chức và quản lý tài nguyên rừng và môi trường.
- Có thể mạnh mẽ đầu trong đề xuất các biện pháp, giải pháp về lĩnh vực phát triển, quản lý, bảo tồn tài nguyên rừng.
- Có năng lực cao trong xây dựng, tổ chức, triển khai, đánh giá và giám sát các dự án lâm nghiệp, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, phòng tránh thiên tai, giảm thiểu tác hại của biến đổi khí hậu phục vụ cho phát triển kinh tế- xã hội.
- Sẵn sàng làm việc trong môi trường đòi hỏi trình độ và tính năng động cao, đa ngành và liên ngành trong bối cảnh hội nhập.

3. Kỹ năng

2.1. Kỹ năng nghề nghiệp

2.1.1. Kỹ năng lập luận nghề nghiệp, phát hiện và giải quyết vấn đề (*các kỹ năng như lập kế hoạch, tổ chức sắp xếp công việc, đặt mục tiêu, tạo động lực, chăm sóc đối tác, nhận thức và bắt kịp với sự thay đổi của môi trường, lập và quản lý ngân sách, điều hành các cuộc họp hiệu quả, quản lý dự án, kiểm soát stress, xây dựng đội ngũ vững mạnh, quảng bá thương hiệu trên Internet, sử dụng tiếng Anh chuyên ngành*);

2.1.2. Khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề (*gồm phát hiện, hình thành, tổng quát hóa, đánh giá, phân tích, giải quyết vấn đề và đưa ra giải pháp kiến nghị*);

2.1.3. Khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức (*gồm khả năng cập nhật kiến thức, tổng hợp tài liệu, phân tích và phản biện kiến thức hiện tại, nghiên cứu để phát triển hay bổ sung kiến thức*);

2.1.4. Kỹ năng tư duy một cách hệ thống (*là khả năng phân tích vấn đề theo logic có so sánh và phân tích với các vấn đề khác và nhìn vấn đề dưới nhiều góc độ*);

2.1.5. Khả năng nhận biết và phân tích bối cảnh và ngoại cảnh tác động đến cơ sở làm việc, ngành nghề (*gồm trách nhiệm của các cử nhân, hiểu tác động của ngành nghề đến xã hội và các yêu cầu của xã hội về ngành nghề, bối cảnh lịch sử và văn hóa dân tộc, các vấn đề và giá trị thời đại, bối cảnh toàn cầu*);

2.1.6. Kỹ năng nhận biết và phân tích tình hình trong và ngoài đơn vị làm việc (cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức) (*văn hóa, chiến lược phát triển đơn vị, mục tiêu, kế hoạch của đơn vị, quan hệ giữa đơn vị với ngành nghề đào tạo, làm việc thành công trong đơn vị,...*);

2.1.7. Kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn (*khả năng vận dụng linh hoạt và phù hợp kiến thức, kỹ năng được đào tạo với thực tiễn nghề nghiệp; khả năng làm chủ khoa học kỹ thuật và công cụ lao động của nghề nghiệp; khả năng phát hiện và giải quyết hợp lý vấn đề trong nghề nghiệp*);

2.1.8. Năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi trong nghề nghiệp (*có khả năng nghiên cứu cải tiến hoặc phát minh sáng tạo trong hoạt động nghề nghiệp hoặc dẫn dắt các sự thay đổi đó; cập nhật và dự đoán xu thế phát triển ngành nghề và khả năng làm chủ Khoa học kỹ thuật và công cụ lao động mới và tiên tiến*).

2.2. Kỹ năng mềm

2.2.1. Kỹ năng tự chủ (*các kỹ năng học và tự học suốt đời, quản lý thời gian và tự chủ, thích ứng với sự phức tạp của thực tế, hiểu biết văn hóa, hiểu và phân tích kiến thức - kỹ năng của một cá nhân khác để học tập suốt đời...*);

2.2.2. Kỹ năng làm việc theo nhóm (*hình thành nhóm, duy trì hoạt động nhóm, phát triển nhóm và kỹ năng làm việc với các nhóm khác nhau*);

2.2.3. Kỹ năng quản lý và lãnh đạo (*điều khiển, phân công và đánh giá hoạt động nhóm và tập thể, phát triển và duy trì quan hệ với các đối tác; khả năng đàm phán, thuyết phục và quyết định trên nền tảng có trách nhiệm với xã hội và tuân theo luật pháp*);

2.2.4. Kỹ năng giao tiếp (*lập luận sắp xếp ý tưởng, giao tiếp bằng văn bản và các phương tiện truyền thông, thuyết trình, giao tiếp với các cá nhân và tổ chức, ...*);

2.2.5. Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ: *tối thiểu phải đạt từ bậc 4/6 trở lên, theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương*).

2.2.6. Các kỹ năng mềm khác.

4. Yêu cầu về thái độ

- Tư duy sáng tạo và luôn học tập cập nhật, đổi mới kiến thức, có trách nhiệm, trung thực, chính xác và hiệu quả trong công việc.

- Lập trường tư tưởng kiên định vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, khiêm tốn. Kiên trì, chăm chỉ, nhiệt tình, đam mê, sáng tạo.

- Trung thực, kỷ luật trong công tác, tác phong công nghiệp, có tinh thần hợp tác làm việc nhóm, có thái độ cởi mở, thân tình với đồng nghiệp.

- Thực hiện theo qui định của pháp luật, chính sách của Đảng và Nhà nước.

5. Yêu cầu về ngoại ngữ:

Tiến sĩ ngành Quản lý tài nguyên rừng đạt trình độ tiếng Anh B2 trở lên tối thiểu phải đạt từ bậc 4/6 trở lên, theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương hoặc các chứng chỉ Quốc tế tương đương hoặc cao hơn.